

Số: /GPMT-UBND Mê Linh, ngày tháng năm 2024

## GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG

### ỦY BAN NHÂN DÂN HUYỆN MÊ LINH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 17 tháng 11 năm 2020;

Căn cứ Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Xét nội dung Báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường cơ sở "Nhà máy sản xuất bao bì - Công ty Cổ phần Bao bì Habeco" kèm theo Văn bản số 2811/Habeco ngày 28/11/2023 về việc đề nghị cấp Giấy phép môi trường của Công ty Cổ phần Bao bì Habeco; Văn bản số 13/CV.HABECO-P ngày 29/01/2024 về việc giải trình các nội dung chỉnh sửa, bổ sung báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường của cơ sở "Nhà máy sản xuất bao bì - Công ty Cổ phần Bao bì Habeco".

Theo đề nghị của Phòng Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số 165/TTr-TNMT ngày 07/5/2024.

### QUYẾT ĐỊNH:

**Điều 1.** Cấp phép cho Công ty Cổ phần Bao bì Habeco địa chỉ xã Tiên Phong, huyện Mê Linh, thành phố Hà Nội được thực hiện các hoạt động bảo vệ môi trường của cơ sở Nhà máy sản xuất bao bì - Công ty Cổ phần bao bì Habeco với các nội dung như sau:

#### 1. Thông tin chung của cơ sở:

- Tên cơ sở: Nhà máy sản xuất bao bì - Công ty Cổ phần bao bì Habeco.
- Địa điểm hoạt động: xã Tiên Phong, huyện Mê Linh, thành phố Hà Nội.
- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty cổ phần. Mã số doanh nghiệp: 0102356862. Đăng ký lần đầu ngày 31/8/2007. Đăng ký thay đổi lần thứ 4 ngày 13/4/2021.
- Phạm vi, quy mô, công suất của cơ sở:  
+ Phạm vi: Dự án được xây dựng tại xã Tiên Phong, huyện Mê Linh, thành

phố Hà Nội.

+ Công suất hoạt động của cơ sở là 2914,301 tấn sản phẩm/năm, như sau:

- Két nhựa 20: 268,581 tấn sản phẩm/năm;

- Két nhựa 24: 58,58 tấn sản phẩm/năm;

- Nắp keg: 12,40 tấn sản phẩm/năm;

- Hộp Carton: 2.479,47 tấn sản phẩm/năm;

- Nhãn: 35,27 tấn sản phẩm/năm;

- Các sản phẩm từ màng nhôm, màng stricker: 60,00 sản phẩm/năm.

## **2. Nội dung cấp phép và yêu cầu về bảo vệ môi trường kèm theo:**

2.1. Được phép xả nước thải ra môi trường và thực hiện các yêu cầu về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 1 ban hành kèm theo Giấy phép này;

2.2. Bảo đảm giá trị giới hạn về tiếng ồn, độ rung và thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 2 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.3. Yêu cầu về quản lý chất thải, phòng ngừa và ứng phó sự cố môi trường quy định tại Phụ lục 3 ban hành kèm theo Giấy phép này;

2.4. Yêu cầu khác về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 4 ban hành kèm theo Giấy phép này.

**Điều 2.** Quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của Công ty Cổ phần bao bì Habeco:

1. Có quyền, nghĩa vụ theo quy định tại Điều 47 Luật Bảo vệ môi trường

2. Công ty Cổ phần bao bì Habeco có trách nhiệm:

2.1. Chỉ được phép thực hiện các nội dung cấp phép sau khi đã hoàn thành các công trình bảo vệ môi trường tương ứng và chấp hành các quy định về Luật Đất đai, Luật Phòng cháy và chữa cháy trước khi đi vào hoạt động.

2.2. Vận hành thường xuyên, đúng quy trình các công trình xử lý chất thải đảm bảo chất thải sau khi xử lý đạt quy chuẩn kỹ thuật về môi trường; có biện pháp; quản lý chất thải theo quy định của pháp luật. Chịu trách nhiệm trước pháp luật khi chất ô nhiễm không đạt yêu cầu cho phép tại Giấy phép môi trường và phải dừng ngay việc xả thải chất thải để thực hiện các biện pháp khắc phục theo quy định của pháp luật.

2.3. Thực hiện đúng, đầy đủ các yêu cầu về bảo vệ môi trường trong Giấy phép môi trường và các quy định về bảo vệ môi trường;

2.4. Báo cáo kịp thời về UBND huyện Mê Linh, cơ quan chức năng ở địa phương nếu xảy ra sự cố đối với các công trình xử lý chất thải, sự cố khác dẫn tới ô nhiễm môi trường.

2.5. Trong quá trình thực hiện nếu có thay đổi khác với các nội dung quy định tại Giấy phép môi trường, phải kịp thời báo cáo đến cơ quan cấp giấy phép môi trường.

**Điều 3.** Thời hạn của Giấy phép: 10 năm (từ ngày      tháng      năm 2024 đến ngày      tháng      năm 2034).

**Điều 4.** Giao Phòng Tài nguyên và Môi trường tham mưu phối hợp với UBND xã Tiên Phong và các đơn vị liên quan tổ chức kiểm tra việc thực hiện nội dung cấp phép, yêu cầu về bảo vệ môi trường đối với dự án được cấp phép theo quy định của pháp luật./.

***Nơi nhận:***

- Công ty Cổ phần Bao bì Habeco;
- UBND huyện;
- Phòng TN&MT;
- Bộ phận một cửa huyện;
- Cổng thông tin điện tử huyện Mê Linh;
- UBND xã Tiên Phong;
- CPVP;
- Lưu: VT. (Thịnh 05b).

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN  
KT. CHỦ TỊCH  
PHÓ CHỦ TỊCH**

**Trần Thanh Hoài**

**Phụ lục 1**  
**NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ NƯỚC THẢI VÀO NGUỒN NƯỚC VÀ YÊU CẦU**  
**BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ NƯỚC THẢI**  
*(Kèm theo Giấy phép môi trường số /GPMT-UBND ngày / /2024*  
*của UBND huyện Mê Linh)*

**A. NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ NƯỚC THẢI:**

**1. Nguồn phát sinh nước thải:**

- Nguồn phát sinh nước thải sinh hoạt
- + Nguồn số 01: Nhà vệ sinh khu văn phòng;
- + Nguồn số 02: Nhà vệ sinh chung khu phía Tây cơ sở;
- + Nguồn số 03: Nhà bếp;
- Nguồn phát sinh nước thải sản xuất
- + Nguồn số 04: Nước thải từ rửa hạt nhựa tái sinh;
- + Nguồn số 05: Nước làm mát từ công đoạn gia nhiệt trong quá trình sản xuất các sản phẩm bao bì nhựa.

**2. Dòng nước thải xả vào nguồn nước tiếp nhận, nguồn tiếp nhận nước thải, vị trí xả nước thải:**

2.1. Nguồn tiếp nhận nước thải: Mương thoát nước chung của khu vực dọc đường TL.23 thuộc địa phận xã Tiên Phong, huyện Mê Linh, thành phố Hà Nội.

2.2. Vị trí xả nước thải: tại điểm đầu nối từ tuyến ống uPVC D110mm vào rãnh thoát nước chung của CCN Nhà máy Bia nằm phía Nam cơ sở.

Tọa độ vị trí xả nước thải (theo hệ tọa độ VN 2000):

$$X = 2338174$$

$$Y = 577696$$

2.3. Lưu lượng xả nước thải lớn nhất: 20 m<sup>3</sup>/ngày.đêm.

2.3.1. Phương thức xả nước thải: Tự chảy.

2.3.2. Chế độ xả nước thải: Liên tục, 24h/ngày.

2.3.3. Chất lượng nước thải trước khi xả vào nguồn nước tiếp nhận phải đạt Quy chuẩn 02:2014/BTNMT, cột B - Quy chuẩn kỹ thuật về nước thải công nghiệp trên địa bàn thủ đô Hà Nội và Quy chuẩn 14:2008/BTNMT, cột B – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải sinh hoạt, cụ thể như sau:

TT	Chất ô nhiễm	Đơn vị tính	Giá trị giới hạn cho phép	Quy chuẩn so sánh
1	Lưu lượng	m <sup>3</sup> /h	-	-
2	pH	-	5,5 - 9	<b>QCTĐHN</b> <b>02:2014/BTNMT,</b>
3	BOD <sub>5</sub> (20°C)	mg/l	50	
4	COD	mg/l	150	
5	Chất rắn lơ lửng	mg/l	100	

6	Sulfua	mg/l	<b>0,5</b>	<b>cột B</b>
7	Amoni (tính theo N)	mg/l	<b>10</b>	
8	Tổng nito	mg/l	<b>40</b>	
9	Tổng phốt pho (tính theo P)	mg/l	<b>6</b>	
10	Clorua	mg/l	<b>1.000</b>	
11	Coliform	MPN/100ml	<b>5.000</b>	<b>QCVN 14:2008/BTNMT, cột B</b>
12	Tổng chất rắn hòa tan	mg/l	<b>1.000</b>	
13	Dầu mỡ động, thực vật	mg/l	<b>20</b>	
14	Tổng các chất hoạt động bề mặt	mg/l	<b>10</b>	

## **B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ NƯỚC THẢI:**

### **1. Công trình, biện pháp thu gom, xử lý nước thải:**

1.1. Mạng lưới thu gom nước thải từ các nguồn phát sinh nước thải để đưa về hệ thống xử lý nước thải: Nước thải từ nguồn phát sinh sẽ được thu gom bằng các đường ống về hệ thống xử lý nước thải tập trung.

#### 1.2. Công trình, thiết bị xử lý nước:

- Quy trình công nghệ: Nước thải dự án → Bể điều hòa → Bể thiếu khí → Bể hiếu khí → Bể lắng → Bể khử trùng → Hệ thống thoát nước của khu vực.

- Công suất thiết kế: 20 m<sup>3</sup>/ngày.đêm;

### **2. Kế hoạch vận hành thử nghiệm**

#### 2.1. Thời gian vận hành thử nghiệm

Thời gian dự kiến vận hành thử nghiệm công trình xử lý chất thải từ tháng 01/6/2024 đến hết ngày 30/9/2024 kể từ khi hoàn thành công trình xử lý chất thải của Dự án và dự án bắt đầu đi vào vận hành thử nghiệm.

#### 2.2. Công trình, thiết bị xả nước thải phải vận hành thử nghiệm

##### 2.2.1. Vị trí lấy mẫu

Thực hiện theo quy định của Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường: Nước thải của dự án sau khi xử lý đạt quy chuẩn được dẫn về 01 điểm xả nước thải.

2.2.2. Chất ô nhiễm và giá trị giới hạn cho phép của chất ô nhiễm (thực hiện theo nội dung được cấp phép tại Phần A Phụ lục này)

2.3. Tần suất lấy mẫu: Thực hiện theo quy định tại Khoản 5 Điều 21 Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường: 03 mẫu đơn trong 03 ngày liên tiếp của giai đoạn vận hành ổn định các công trình xử lý chất thải.

### **3. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường:**

3.1. Thu gom, xử lý nước thải phát sinh từ hoạt động của dự án bảo đảm đáp ứng quy định về giá trị giới hạn cho phép của chất gây ô nhiễm tại phần A Phụ lục này trước khi xả thải ra ngoài môi trường và công trình, biện pháp phòng ngừa, ứng phó sự cố nước thải bảo đảm không xả nước thải ra môi trường trong trường hợp xảy ra sự cố đối với công trình xử lý nước thải

3.2. Chịu trách nhiệm trước pháp luật khi có bất kỳ thông số nào không đạt yêu cầu quy định tại phần A Phụ lục này và phải ngừng ngay việc xả nước thải để thực hiện các biện pháp khắc phục.

3.3. Bố trí đủ nguồn lực, thiết bị, vật liệu sử dụng đảm bảo vận hành thường xuyên, hiệu quả các công trình thu gom, xử lý nước thải.

3.4. Có sổ nhật ký vận hành, ghi chép đầy đủ thông tin của quá trình vận hành công trình xử lý nước thải.

**Phụ lục 2****ĐẢM BẢO GIÁ TRỊ GIỚI HẠN ĐỐI VỚI TIẾNG ỒN, ĐỘ RUNG  
VÀ CÁC YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG**

(Kèm theo Giấy phép môi trường số /GPMT-UBND ngày / /2024  
của UBND huyện Mê Linh)

**A. NỘI DUNG CẤP PHÉP VỀ TIẾNG ỒN, ĐỘ RUNG:****1. Nguồn phát sinh tiếng ồn, độ rung:**

- Nguồn số 1: Máy trộn hạt nhựa;
- Nguồn số 2: Máy in offset;
- Nguồn số 3: Máy in trống đồng;
- Nguồn số 4: Máy băm hạt nhựa tái sinh;
- Nguồn số 5: Máy nén khí;
- Nguồn số 6: Trạm XLNT công suất 20 m<sup>3</sup>/ngày đêm (máy bơm, máy thổi khí).

**2. Tiếng ồn, độ rung:**

Phải đảm bảo đáp ứng yêu cầu kỹ thuật về bảo vệ môi trường và QCVN 26:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn, QCVN 27:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về độ rung, cụ thể như sau:

**2.1. Tiếng ồn:**

Khu vực	Thời gian áp dụng trong ngày và mức ồn cho phép, dBA	
	Từ 6 giờ đến 21 giờ	Từ 21 giờ đến 6 giờ
Khu vực thông thường	70	55

**2.2. Độ rung:**

Khu vực	Thời gian áp dụng trong ngày và mức gia tốc rung cho phép, dB	
	6 giờ - 21 giờ	21 giờ - 6 giờ
Khu vực thông thường	70	60

**B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI TIẾNG ỒN, ĐỘ RUNG:****1. Công trình, biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung:**

Lắp đặt các đế cao su vào máy móc thiết bị phát sinh tiếng ồn và độ rung. Trang bị bảo hộ lao động đầy đủ cho người lao động làm việc trực tiếp tại các vị trí phát ra tiếng ồn cao. Tăng cường bố trí cây cảnh, trồng thêm cây xanh.

**2. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường:**

2.1. Các nguồn phát sinh tiếng ồn, độ rung phải được giảm thiểu bảo đảm nằm trong giới hạn cho phép theo quy định tại phần A phụ lục này.

2.2. Các điều kiện liên quan đến bảo vệ môi trường kèm theo: định kỳ bảo dưỡng, hiệu chuẩn đối với thiết bị để hạn chế phát sinh tiếng ồn, độ rung.

**Phụ lục 3**  
**YÊU CẦU VỀ QUẢN LÝ CHẤT THẢI,**  
**PHÒNG NGỪA VÀ ỨNG PHÓ SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG**

*(Kèm theo Giấy phép môi trường số /GPMT-UBND ngày / /2024  
của UBND huyện Mê Linh)*

**A. QUẢN LÝ CHẤT THẢI**

**1. Chủng loại, khối lượng chất thải phát sinh**

1.1. Khối lượng, chủng loại chất thải nguy hại phát sinh:

TT	Tên chất thải	Trạng thái tồn tại	Mã CTNH	Số lượng (kg/năm)
1	Các loại dịch cái thải từ quá trình chiết tách, dung dịch tẩy rửa và dung môi hữu cơ thải khác	Lỏng	03 06 03	1.500
2	Hộp chứa mực in (loại có các thành phần nguy hại trong nguyên liệu sản xuất mực)	Rắn	08 02 04	1.500
3	Mực in (loại có các thành phần nguy hại trong nguyên liệu sản xuất) thải	Lỏng	08 02 01	500
4	Bóng đèn huỳnh quang và các loại thủy tinh hoạt tính thải	Rắn	16 01 06	100
5	Dầu thủy lực tổng hợp thải	Lỏng	17 01 06	2.500
6	Bao bì mềm (đã chứa chất khi thải ra là CTNH) thải	Rắn	18 01 01	2.000
7	Bao bì kim loại cứng (đã chứa chất khi thải ra là CTNH, hoặc chứa áp suất chưa bảo đảm rỗng hoặc có lớp lót rắn nguy hại như amiang) thải	Rắn	18 01 02	1.000
8	Chất hấp phụ, vật liệu lọc (bao gồm cả vật liệu lọc dầu chưa nêu tại các mã khác), giẻ lau, vải bảo vệ thải bị nhiễm các thành phần nguy hại	Rắn	18 02 01	4.500
9	Các loại chất thải khác có các thành phần nguy hại vô cơ	Rắn	19 12 01	4.000
<b>Tổng cộng</b>				<b>17.600</b>

1.2. Khối lượng, chủng loại chất thải rắn công nghiệp thông thường phát sinh:

TT	Loại chất thải	Số lượng (kg/năm)
1	Bao bì chứa nguyên liệu đầu vào (nilon, bao dứa)	1.200
2	Thùng nhựa chứa keo dán giấy	500
3	Giấy thừa và sản phẩm bao bì giấy không đạt chất lượng	25.000
4	Bavia nhựa và sản phẩm bao bì nhựa không đạt chất lượng	50.000
5	Bùn thải từ trạm XLNT sinh hoạt	352
6	Cát thải từ bể lọc nước thải rửa hạt nhựa tái sinh	40
<b>Tổng cộng</b>		<b>77.092</b>



1.3. Khối lượng, chủng loại chất thải sinh hoạt phát sinh: 17.520 kg/năm

TT	Thành phần	Mô tả	
1	Chất thải có thể phân hủy sinh học	Rác hoa quả	Vỏ hoa quả
		Thức ăn thừa	Cơm canh thừa, vụn bánh, kẹo,...
2	Chất thải có thể tái sinh, tái sử dụng	Kim loại	Vỏ lon nhôm
		Thủy tinh	Chai, ly
		Nhựa có thể tái sinh	Chai, túi dẻo trong, vỏ hộp, nhựa plastic,...
		Giấy có thể tái sinh	Bao bì giấy, giấy in, giấy báo, bìa carton,...
3	Chất thải tổng hợp	Giấy không thể tái sinh	Khăn giấy ăn, khăn giấy nhà vệ sinh,...
		Nhựa không thể tái sinh	Túi nhựa màu
		Khác	Cao su, vải,....

**2. Yêu cầu bảo vệ môi trường đối với việc lưu giữ chất thải sinh hoạt, chất thải rắn công nghiệp thông thường, chất thải nguy hại**

2.1. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải nguy hại

- Thiết bị lưu chứa: bố trí các thùng nhựa, có nắp đậy, thể tích mỗi thùng 120 lít.

- CTNH được lưu giữ tại khu vực lưu chứa CTNH rộng 14 m<sup>2</sup>. CTNH sẽ được phân loại và chứa trong các thùng chứa riêng biệt dung tích 120 lít có nắp đậy. Chủ dự án chịu trách nhiệm thu gom, phân loại, lưu giữ chất thải nguy hại theo đúng quy định tại Điều 35 Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường; ký hợp đồng, chuyển giao chất thải nguy hại với đơn vị có chức năng thu gom, vận chuyển và Giấy phép xử lý chất thải nguy hại theo quy định. Thực hiện trách nhiệm của chủ nguồn thải chất thải nguy hại theo quy định tại Điều 71 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường.

- Tần suất thu gom tùy thuộc số lượng phát sinh, tối thiểu 1 năm/lần. Hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, xử lý theo quy định.

2.2. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải rắn công nghiệp thông thường.

- Thiết bị lưu chứa: Bố trí các thùng chứa rác có nắp đậy.

- Khu vực lưu chứa: Bố trí khu vực lưu giữ chất thải diện tích 30 m<sup>2</sup>, sàn bê tông xi măng, có mái che, cửa ra vào.

- Chất thải công nghiệp thông thường được chuyển giao cho các đơn vị có chức năng thu gom, vận chuyển và xử lý.

2.3. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải sinh hoạt.

- Thiết bị lưu chứa: Bố trí các thùng chứa rác có nắp đậy, dung tích 24 lít.

- Khu vực lưu chứa: Bố trí khu vực lưu giữ chất thải diện tích 11 m<sup>2</sup>, sàn bê tông

xi măng, có mái che, cửa ra vào.

- Chất thải sinh hoạt được chuyển giao cho các đơn vị có chức năng thu gom, vận chuyển và xử lý.

**3. Hệ thống tự xử lý, tái chế, tái sử dụng chất thải:** Không có. Dự án hợp đồng với đơn vị đủ năng lực để thu gom, vận chuyển và xử lý rác thải thông thường và chất thải nguy hại.

#### **B. YÊU CẦU VỀ PHÒNG NGỪA VÀ ỨNG PHÓ SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG**

- Quản lý chất thải rắn theo đúng quy định tại điểm b, d, khoản 1, Điều 26, Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường.

- Đối với CTNH phải thực hiện lưu giữ chất thải nguy hại theo quy định tại Điều 35, Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường.

**Phụ lục 4**  
**CÁC YÊU CẦU KHÁC VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG**  
*(Kèm theo Giấy phép môi trường số /GPMT-UBND*  
*ngày / /2024 của UBND huyện Mê Linh)*

**A. YÊU CẦU VỀ CẢI TẠO, PHỤC HỒI MÔI TRƯỜNG:**

Không thuộc đối tượng phải thực hiện cải tạo, phục hồi môi trường.

**B. YÊU CẦU VỀ BỒI HOÀN ĐA DẠNG SINH HỌC:**

Không thuộc đối tượng phải thực hiện bồi hoàn đa dạng sinh học.

**C. YÊU CẦU KHÁC VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG**

1. Thực hiện chương trình giáo dục, nâng cao nhận thức về bảo vệ môi trường, bảo vệ an ninh xã hội đối với cán bộ, công nhân tham gia vận hành sản xuất.

2. Tiếng ồn và độ rung trong quá trình vận hành Dự án phải có biện pháp giảm thiểu, đảm bảo tuân thủ quy định tại Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia QCVN 26:2010/BTNMT về tiếng ồn (khu vực thông thường) và QCVN 27:2010/BTNMT (Bảng 2 – Khu vực thông thường) về độ rung.

3. Quản lý các chất thải phát sinh trong quá trình vận hành đảm bảo các yêu cầu về vệ sinh môi trường và theo đúng các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường. Thực hiện việc quản lý chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn công nghiệp thông thường và chất thải nguy hại theo quy định của Luật Bảo vệ môi trường năm 2022, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ, Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường; đảm bảo khu vực lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn công nghiệp thông thường và chất thải nguy hại đáp ứng các quy định tại Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT. Định kỳ chuyển giao chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn công nghiệp thông thường, chất thải nguy hại cho đơn vị có đủ năng lực, chức năng thu gom, vận chuyển và xử lý theo quy định.

4. Tuân thủ các quy định của pháp luật hiện hành về an toàn lao động, an toàn giao thông, an toàn thực phẩm, phòng cháy chữa cháy theo quy định hiện hành.

5. Thực hiện các trách nhiệm, yêu cầu khác của đơn vị quản lý hệ thống thu gom, thoát nước và xử lý nước của địa phương theo quy định của pháp luật.

6. Báo cáo công tác bảo vệ môi trường định kỳ hằng năm hoặc đột xuất (trong đó cập nhật các thay đổi thông tin về phát sinh chất thải do các thay đổi này không thuộc đối tượng phải điều chỉnh Giấy phép môi trường); thực hiện mua bảo hiểm trách nhiệm bồi thường thiệt hại do sự cố môi trường theo quy định của pháp luật.

7. Thực hiện đề nghị cấp lại, cấp điều chỉnh, cấp đổi giấy phép môi trường theo quy định tại Điều 44 Luật Bảo vệ môi trường.

8. Thực hiện đền bù những thiệt hại môi trường do dự án gây ra theo Luật Bảo vệ môi trường 2020 và Nghị định số 45/2022/NĐ-CP ngày 07/7/2022 của Chính phủ quy định về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực bảo vệ môi trường

9. Đảm bảo nguồn kinh phí đầu tư xây dựng và vận hành các công trình xử lý môi trường đã cam kết trong Báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường./.

